

SAO Y BẢN CHÍNH
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021



K/T TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Đoài



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp số 0104798552, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi người đại diện pháp luật, ngành nghề kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính, thay đổi vốn pháp định, trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 12 tháng 7 năm 2019 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 62 659 598
- Fax : 024 62 659 528

Hoạt động kinh doanh của Công ty :

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Xây dựng hạ tầng khu đô thị - KCN;
- Kinh doanh BĐS, dịch vụ môi giới BĐS;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng và bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Dịch vụ công ích trực tiếp phục vụ các công trình công cộng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
Ông Đoàn Ngọc Ly	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Quyến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Đỗ Đức Thắng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Ngọc Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Hữu Thiện	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Văn Ngu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Ngọc Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đức Tiềm	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Vũ Ngọc Long	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Gia Hân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Mạnh Khôi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Bà Trần Thị Chung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Mạnh Khôi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Đoàn Ngọc Ly	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Hữu Thiện	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017
Ông Vũ Văn Đoài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2017
Ông Phạm Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đoàn Ngọc Ly - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Ly

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0352/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

002
NH
RY
HUU H
TU V
C
NỘI
TP. H

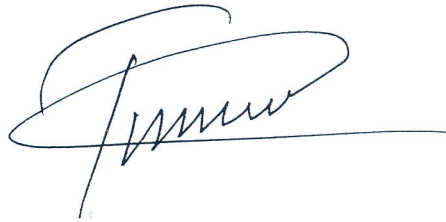
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về khoản cho vay đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1708-2018-008-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		282.474.308.250	280.330.070.008
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.684.217.824	41.229.723.330
1. Tiền	111		11.774.217.824	41.229.723.330
2. Các khoản tương đương tiền	112		910.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.570.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	17.570.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		210.184.883.754	176.028.323.925
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	66.819.439.165	48.498.877.868
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	100.341.719.829	56.719.909.766
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		487.965.000	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	23.221.601.448	53.140.944.878
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	20.348.596.010	17.668.591.413
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1.034.437.698)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	38.529.255.821	57.198.066.659
1. Hàng tồn kho	141		40.204.902.620	58.873.713.458
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.675.646.799)	(1.675.646.799)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.505.950.851	5.873.956.094
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	112.110.159	79.370.531
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.393.840.692	5.004.232.295
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	790.353.268
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.651.111.761	36.080.607.841
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		510.787.098	510.787.098
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	510.787.098	510.787.098
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		14.954.570.738	7.360.499.358
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	14.954.570.738	7.360.499.358
<i>Nguyên giá</i>	222		20.741.083.781	12.961.841.910
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.786.513.043)	(5.601.342.552)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	14.295.957.327
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	14.295.957.327
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	15.022.400.000	1.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.000.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.400.000	1.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.163.353.925	12.913.364.058
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	18.163.353.925	12.913.364.058
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		331.125.420.011	316.410.677.849

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		281.274.304.516	267.713.855.395
I. Nợ ngắn hạn	310		280.779.126.746	266.087.744.289
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	43.661.386.640	57.874.624.676
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	72.629.031.851	87.983.413.367
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	25.344.129.327	19.696.054.151
4. Phải trả người lao động	314		2.388.794.263	1.846.109.319
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	15.464.685.514	26.209.891.542
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	3.420.453.557	1.365.319.882
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	117.829.643.797	71.112.331.352
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		41.001.797	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		495.177.770	1.626.111.106
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	495.177.770	1.626.111.106
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.851.115.495	48.696.822.454
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	49.851.115.495	48.696.822.454
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.012.586.625	1.012.586.625
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		157.474.032	157.474.032
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.681.054.838	7.526.761.797
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.000.000.000	7.526.761.797
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.681.054.838	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		331.125.420.011	316.410.677.849

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập biên

Đỗ Giáp Tý

Phó Kế toán trưởng

Đỗ Đức Thắng

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Ly

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	249.893.841.617	191.260.162.167
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		249.893.841.617	191.260.162.167
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	233.603.715.537	173.745.346.982
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.290.126.080	17.514.815.185
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	576.935.957	4.703.680.821
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.514.607.501	6.212.735.468
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.506.152.956	6.212.735.468
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.101.582.282	12.258.372.273
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.250.872.254	3.747.388.265
11. Thu nhập khác	31	VI.6	46.378.636	4.500
12. Chi phí khác	32	VI.7	290.950.548	871.195.134
13. Lợi nhuận khác	40		(244.571.912)	(871.190.634)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.006.300.342	2.876.197.631
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	1.325.245.504	844.514.553
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>3.681.054.838</u>	<u>2.031.683.078</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>920</u>	<u>376</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>920</u>	<u>376</u>

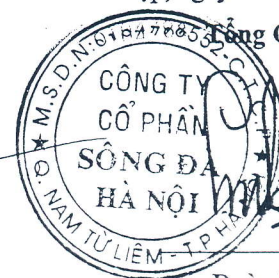
Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Đỗ Giáp Tý

Phó Kế toán trưởng

Đỗ Đức Thắng



Tổng Giám đốc

Đoàn Ngọc Ly

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Thuyết minh	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.006.300.342	2.876.197.631
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	191.394.352	1.280.079.386
- Các khoản dự phòng	03	1.034.437.698	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(612.191.355)	(4.696.947.653)
- Chi phí lãi vay	06	7.506.152.956	6.212.735.468
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13.126.093.993	5.672.064.832
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(62.988.583.489)	(45.318.207.224)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	18.668.810.838	(7.831.735.478)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(36.756.190.160)	66.661.994.441
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.282.729.495)	(306.406.853)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.592.037.297)	(6.203.785.287)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(904.473.879)	(2.115.997.950)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(81.729.109.489)	10.557.926.481
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.135.137.314)	(3.382.675.281)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	46.363.636	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(53.774.527.520)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	66.123.870.950	39.933.768.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	977.600.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	359.055.122	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.597.224.874	35.551.092.719

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	155.339.886.326	123.409.083.808
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(109.753.507.217)	(153.356.452.194)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	45.586.379.109	(30.147.368.386)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(28.545.505.506)	15.961.650.814
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 41.229.723.330	25.268.072.516
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1 12.684.217.824	41.229.723.330

Người lập biểu

Đỗ Giáp Tý

Phó Kế toán trưởng

Đỗ Đức Thắng

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Ly

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp (nhận - giao thầu), khai thác khoáng sản cát (cát) và san lấp các công trình.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xây lắp các hạng mục và san lấp công trình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp nhưng chủ yếu theo hình thức giao thầu lại cho nhà thầu phụ.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 39 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 37 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác hoặc chi phí phải trả cho thầu phụ (đối với các công việc giao cho thầu phụ thực hiện).

Giá xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí bảo hiểm

Các khoản bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

Chi phí thuê trụ sở

Chi phí thuê trụ sở thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần Công ty đang sử dụng làm trụ sở chính, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (513 tháng).

Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản là quyền khai thác cát tại khu vực ven biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, được ghi nhận theo giá trị trúng đấu giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đã nộp vào Kho bạc Nhà nước. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo sản lượng thực tế khai thác trong thời gian được cấp quyền khai thác là 5 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	6 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	4

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu san lấp mặt bằng

Doanh thu san lấp mặt bằng được ghi nhận khi công việc san lấp mặt bằng hoàn thành, được khách hàng xác nhận.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy. Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành. Là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	10.075.472.415	571.944.550
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.698.745.409	40.657.778.780
Các khoản tương đương tiền	910.000.000	-
<i>Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>		
Cộng	<u>12.684.217.824</u>	<u>41.229.723.330</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi Ngân hàng có thời hạn trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	15.000.000.000		-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Nam Đại Thành (*)	15.000.000.000	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	22.400.000		1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Louis Group (**)	22.400.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	<u>15.022.400.000</u>	<u>-</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0160116352 thay đổi lần 3 ngày 28/9/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Nam Định cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Nam Đại Thành là 35.000.000.000 VND. Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Nam Đại Thành bằng các chi phí mà Công ty đã chi ra ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư của dự án “Khu đô thị Nam Định Park” tương đương với 15.000.000.000 VND. Đến ngày kết thúc năm tài chính, hai bên đã giao nhận đủ các chứng từ chi phí tương ứng với số tiền góp theo cam kết. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 1.500.000 Cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Nam Đại Thành, tương đương 42,86% vốn điều lệ.

(**) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Louis Group số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/10/2020 đã thông qua phương án giảm vốn điều lệ bằng hình thức hoàn trả lại vốn góp cho các cổ đông. Theo đó, Công ty được hoàn trả 977.600.000 VND. Tại ngày 31/12/2020 Công ty sở hữu 2.240 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Louis Group, tương đương 0,104% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư chưa có giá niêm yết.

Giao dịch với công ty liên kết

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch ứng trước tiền thi công san lấp công trình cho Công ty liên kết với số tiền là 29.640.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 2.000.000.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	5.549.913.580	5.499.913.580
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Nam Đại Thành	5.499.913.580	5.499.913.580
Ông Nguyễn Hữu Thiện - tiền thanh lý tài sản	50.000.000	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	61.269.525.585	42.998.964.288
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	1.730.009.261	1.815.314.566
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Rạng Đông	466.693.083	23.352.090.360
BQL Dự án Cải tạo Nâng cấp đường Tiến Thịnh	28.551.080	10.846.096.080
BQL Dự án Giao thông Nông thôn 3	30.234.121.200	1.276.451.800
Công ty TNHH Chánh Bình	8.638.887.303	-
Công ty TNHH Gia Nguyễn	8.590.908.982	-
Các khách hàng khác	11.580.354.676	5.709.011.482
Cộng	<u>66.819.439.165</u>	<u>48.498.877.868</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	31.640.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Nam Đại Thành	31.640.000.000	2.000.000.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	68.701.719.829	54.719.909.766
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	1.000.000.000	6.174.428.316
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại Nam Ninh	10.177.629.332	9.927.384.809
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở Hạ tầng Hoàng Nguyên	-	7.595.644.000
Công ty TNHH Pacific Việt Nam	-	7.106.240.380
Công ty TNHH Thi công Cơ giới Komatsu	-	8.018.886.360
Công ty TNHH Minh Phát Đạt	26.598.355.007	6.576.107.600
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Vnincó	24.000.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	6.925.735.490	9.321.218.301
Cộng	<u>100.341.719.829</u>	<u>56.719.909.766</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	23.067.976.638	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Nam Đại Thành	1.689.527.520	-
Ông Nguyễn Hữu Thiện (*)	9.600.000.000	-
Ông Phạm Ngọc Hưng (*)	11.778.449.118	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	153.624.810	53.140.944.878
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại Nam Ninh	-	53.140.944.878
Các tổ chức khác	153.624.810	-
Cộng	<u>23.221.601.448</u>	<u>53.140.944.878</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (*) Trong năm, Công ty cho các bên liên quan và các đơn vị khác vay theo hợp đồng từng lần, với lãi suất 1%/năm, thời hạn vay không quá 12 tháng.

Công ty chưa xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông đối với việc cho vay thành viên Hội đồng quản trị là Ông Nguyễn Hữu Thiện và Ông Phạm Ngọc Hưng.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	3.349.092.349	-	1.922.689.000	-
Ông Nguyễn Hữu Thiện - Tạm ứng	2.831.992.349	-	925.589.000	-
Ông Phạm Ngọc Hưng - Tạm ứng	517.100.000	-	997.100.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	16.999.503.661	-	15.745.902.413	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	31.522.181	-	76.315.101	-
Tạm ứng	3.972.178.559	-	2.446.442.679	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Nam Ninh - lãi cho vay	11.735.230.458	-	11.584.357.331	-
Dự thu lãi cho vay	55.899.470	-	-	-
Các khoản khác	1.204.672.993	-	1.638.787.302	-
Cộng	20.348.596.010	-	17.668.591.413	-

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền ký quỹ kinh phí cải tạo phục hồi môi trường Dự án “Khai thác mỏ cát làm vật liệu san lấp tại Lô số 1A và 1B (thuộc lô 1) khu vực ven biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định” được thực hiện khai thác trong thời gian 5 năm (từ năm 2018 đến năm 2022).

	Lô 1B	Lô 1A	Tổng cộng
Tổng số tiền phải ký quỹ	813.323.473	1.229.824.922	2.043.148.395
Số tiền đã ký quỹ lần 1	203.330.868	307.456.230	510.787.098
Số còn phải ký quỹ	609.992.605	922.368.692	1.532.361.297

7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ban điều hành Dự án thủy điện Sơn La	1.061.912.948	(810.162.698)	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 19	224.275.000	(224.275.000)	-	-
Cộng	1.286.187.948	(1.034.437.698)	-	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng	1.034.437.698	-
Số cuối năm	1.034.437.698	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	112.734.417	-
Công cụ, dụng cụ	20.511.693	-	29.804.636	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	40.184.390.927	(1.675.646.799)	58.731.174.405	(1.675.646.799)
Công trình San lấp cát Rạng Đông	12.445.610.175		21.125.866.803	
Công trình Khu đô thị Cổ Lễ	17.336.784.872		14.360.251.661	
Các công trình khác	10.401.995.880	(1.675.646.799)	23.245.055.941	(1.675.646.799)
Cộng	40.204.902.620	(1.675.646.799)	58.873.713.458	(1.675.646.799)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	7.972.727	-
Chi phí thuê văn phòng	24.000.000	-
Chi phí bảo hiểm	60.137.432	79.370.531
Chi phí tư vấn	20.000.000	-
Cộng	112.110.159	79.370.531

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê trụ sở ⁽ⁱ⁾	7.913.926.876	8.118.196.256
Quyền khai thác khoáng sản ⁽ⁱⁱ⁾	3.583.679.187	4.795.167.802
Chi phí chung đầu tư mỏ cát	6.665.747.862	-
Cộng	18.163.353.925	12.913.364.058

(i) Tiền thuê trụ sở tại tòa nhà Sông Đà HH4 trả trước cho Tổng công ty Sông Đà – CTCP cho thời hạn 50 năm (trừ đi thời gian xây dựng) tính từ thời điểm thuê đến tháng 8 năm 2059.

(ii) Quyền khai thác khoáng sản cát tại khu vực ven biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định trong thời gian 5 năm theo các Giấy phép sau:

Số giấy phép	Ngày cấp	Lô số	Diện tích (ha)	Trữ lượng (m ³)	Chi phí chưa phân bổ (VNĐ)
3059/GP-STNMT	10/11/2017	1B	42,69	1.562.000	594.850.098
499/GP-STNMT	05/3/2018	1A	47,31	1.483.000	792.074.029
971/GP-STNMT	24/4/2019	2A	41,08	1.539.980	998.347.253
3813/GP-STNMT	06/12/2019	2B	48,92	1.517.200	1.198.407.807
Cộng			180	6.102.180	3.583.679.187

Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê nhà dài hạn và Quyền khai thác khoáng sản cát của các mỏ 1A và 1B đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1 Hà Nội (Xem thuyết minh số V.16).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.415.283.000	10.825.802.819	254.696.091	466.060.000	12.961.841.910
Mua trong năm	8.541.179.144	380.000.000	40.909.091		8.962.088.235
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.126.796.364)	(56.050.000)	-	(1.182.846.364)
Số cuối năm	9.956.462.144	10.079.006.455	239.555.182	466.060.000	20.741.083.781
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	538.000.000	546.835.546	97.187.000	-	1.182.022.546
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	914.219.096	4.392.994.404	222.693.902	71.435.150	5.601.342.552
Khấu hao trong năm	178.232.354	1.071.893.034	21.729.479	96.161.988	1.368.016.855
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.126.796.364)	(56.050.000)	-	(1.182.846.364)
Số cuối năm	1.092.451.450	4.338.091.074	188.373.381	167.597.138	5.786.513.043
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	501.063.904	6.432.808.415	32.002.189	394.624.850	7.360.499.358
Số cuối năm	8.864.010.694	5.740.915.381	51.181.801	298.462.862	14.954.570.738
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 912.782.037 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 1 (Xem thuyết minh số V.16).

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Huy Cận	-	6.328.600.000
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2&C	8.694.626.310	8.594.616.890
Công ty TNHH Minh Phát Đạt	11.930.754.776	9.695.569.600
Công ty Cổ phần Xây dựng Nam Trường	7.201.676.186	1.095.772.158
Các nhà cung cấp khác	15.834.329.368	32.160.066.028
Cộng	43.661.386.640	57.874.624.676

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại Minh Đăng (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Rạng Đông	28.582.405.851	37.318.996.567
BQL Dự án Giao thông Nông thôn 3 Nam Định	36.242.443.200	42.635.949.800
BQLDA XD đường kết nối QL38 đường Yên Dương	-	2.800.000.000
Các khách hàng khác	2.804.182.800	228.467.000
Cộng	<u>72.629.031.851</u>	<u>87.983.413.367</u>

(*) Nhận ứng trước của Công ty TNHH Thương mại Minh Đăng để thực hiện công trình san lấp chợ bến xe Sapa từ các năm trước. Tuy nhiên, do không nhận được bàn giao mặt bằng nên đã ngừng thực hiện hợp đồng. Hiện tại 02 bên vẫn đang thương thảo để giải quyết vụ việc này.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	461.093.756	100.364	(461.194.120)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	844.514.553	1.325.245.504	(904.473.879)	1.265.286.178
Thuế thu nhập cá nhân	73.741.000	400.124.169	(351.839.502)	122.025.667
Thuế tài nguyên	14.739.490.290	11.160.092.160	(7.000.000.000)	18.899.582.450
Phí bảo vệ môi trường	3.577.214.552	2.480.020.480	(1.000.000.000)	5.057.235.032
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	<u>19.696.054.151</u>	<u>15.368.582.677</u>	<u>(9.720.507.501)</u>	<u>25.344.129.327</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế giá trị gia tăng vãng lai đã nộp tại các địa phương khác trong năm là 3.641.951.920 VND

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác cát với giá tính thuế 60.000 VND/m³ cát khai thác, thuế suất 15%.

Thuế bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường cho hoạt động khai thác cát với mức phí là 2.000 VND/m³ cát khai thác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.006.300.342	2.876.197.631
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.320.130.548	1.346.375.134
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.320.130.548	1.346.375.134
Chi phí khấu hao xe trên 1,6 tỷ	475.180.000	475.180.000
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	554.000.000	-
Các khoản phạt, chậm nộp	290.950.548	871.195.134
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	6.326.430.890	4.222.572.765
Thu nhập tính thuế	6.326.430.890	4.222.572.765
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.265.286.178	844.514.553
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	59.959.326	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.325.245.504	844.514.553

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	151.167.749	237.052.090
Chi phí các công trình	15.313.517.765	25.972.839.452
Công trình Giao Tiến	561.162.976	6.898.381.562
Công trình đường Tiến Thịnh	2.190.151.806	10.384.765.575
Công trình San lấp KCN Rạng Đông	73.408.621	5.570.003.335
Công trình đường Ất Hợi	3.414.108.291	-
Dự án Điện Năng lượng Tây Nguyên	5.537.274.543	-
Các công trình khác	3.537.411.528	3.119.688.980
Cộng	15.464.685.514	26.209.891.542

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	777.860.000	672.400.000
Thù lao Hội đồng quản trị	773.760.000	672.400.000
Ông Nguyễn Hữu Thiện	4.100.000	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	2.642.593.557	692.919.882
Kinh phí công đoàn	82.391.771	30.694.191
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	380.264.036	237.955.431
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	150.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.000.000.000	6.935.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	179.937.750	267.335.260
Cộng	3.420.453.557	1.365.319.882

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vay ngắn hạn/dài hạn

16a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	117.676.310.461	69.952.622.826
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hà Nội I⁽ⁱ⁾</i>	48.705.376.980	-
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch⁽ⁱⁱ⁾</i>	68.970.933.481	69.952.622.826
Vay ngắn hạn các cá nhân, tổ chức khác	-	1.006.375.190
<i>Vay Ông Đoàn Văn Đoàn</i>		1.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Vnenco</i>	-	6.375.190
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33b)	153.333.336	153.333.336
Cộng	<u>117.829.643.797</u>	<u>71.112.331.352</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức với hạn mức tín dụng thường xuyên là 100 tỷ đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn 12 tháng, lãi suất áp dụng năm 2020 là 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Xem thuyết minh số V.10).
- (ii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức với hạn mức tín dụng thường xuyên là 250 tỷ đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn 11 tháng, lãi suất áp dụng năm 2020 là 7,5-9,4%/năm. Tài sản đảm bảo là Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê dài hạn diện tích tại tầng 15 nhà A tòa HH4 Sông Đà, Quyền khai thác khoáng sản lô 1A, 1B, 2B khu vực ven biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Xem thuyết minh số V.9b và V.10).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	69.952.622.826	1.006.375.190	153.333.336	71.112.331.352
Số tiền vay phát sinh trong năm	155.339.886.326	-	-	155.339.886.326
Số kết chuyển	-	-	153.333.336	153.333.336
Số tiền vay đã trả trong năm	(107.616.198.691)	(1.006.375.190)	(153.333.336)	(108.775.907.217)
Số cuối năm	<u>117.676.310.461</u>		<u>153.333.336</u>	<u>117.829.643.797</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam ⁽ⁱ⁾	472.777.770	626.111.106
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Dịch vụ Thương mại Đại An ⁽ⁱⁱ⁾	22.400.000	1.000.000.000
Cộng	495.177.770	1.626.111.106

- (i) Là khoản vay Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1000315701 ngày 03/01/2019 để mua xe ô tô với lãi suất 6,99%/năm trong thời gian 72 tháng, khoản vay được bảo đảm bằng xe ô tô Toyota mang biển số 30F-535.98 (Xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Là khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Dịch vụ Thương mại Đại An để góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Louis Group.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	153.333.336	153.333.336
Trên 1 năm đến 5 năm	495.177.770	1.626.111.106
Cộng	648.511.106	1.779.444.442

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	1.626.111.106
Số tiền vay đã trả	(977.600.000)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(153.333.336)
Số cuối năm	495.177.770

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	40.000.000.000	1.012.586.625	157.474.032	6.071.078.719	47.241.139.376
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	2.031.683.078	2.031.683.078
Chi trả thù lao cho HĐQT	-	-	-	(576.000.000)	(576.000.000)
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	1.012.586.625	157.474.032	7.526.761.797	48.696.822.454
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000	1.012.586.625	157.474.032	7.526.761.797	48.696.822.454
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	3.681.054.838	3.681.054.838
Chi trả thù lao năm 2019 cho HĐQT	-	-	-	(485.760.000)	(485.760.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(41.001.797)	(41.001.797)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	40.000.000.000	1.012.586.625	157.474.032	8.681.054.838	49.851.115.495

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.000.000	4.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông 5%	: 2.000.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 41.001.797
• Trả thù lao HĐQT	: 485.760.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán vật tư	-	4.563.557.800
Doanh thu hợp đồng xây dựng	145.614.091.463	78.392.734.748
<i>Trong đó: Dự án Điện năng lượng tái tạo</i>	<i>60.755.136.124</i>	-
Doanh thu san lấp mặt bằng	103.935.880.626	107.867.505.983
Doanh thu cho thuê tài sản	125.681.818	436.363.636
Doanh thu khác	218.187.710	-
Cộng	<u>249.893.841.617</u>	<u>191.260.162.167</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán vật tư	-	4.462.026.365
Giá vốn hoạt động xây lắp	143.029.157.151	70.789.899.424
Giá vốn san lấp mặt bằng	90.250.882.608	98.353.784.829
Giá vốn cho thuê tài sản	105.488.068	139.636.364
Giá vốn hoạt động khác	218.187.710	-
Cộng	<u>233.603.715.537</u>	<u>173.745.346.982</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	11.108.238	6.733.168
Lãi tiền cho vay	565.827.719	4.696.947.653
Cộng	<u>576.935.957</u>	<u>4.703.680.821</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	7.506.152.956	6.212.735.468
Chi phí khác	8.454.545	-
Cộng	<u>7.514.607.501</u>	<u>6.212.735.468</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.215.104.850	6.554.052.770
Chi phí vật liệu quản lý	31.435.471	657.601.951
Chi phí đồ dùng văn phòng	15.945.455	17.487.536
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	1.093.992.108
Thuế, phí và lệ phí	146.169.558	116.478.018
Trích lập dự phòng	1.034.437.698	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	999.014.042	2.270.223.936
Chi phí bằng tiền khác	659.475.208	1.548.535.954
Cộng	<u>4.101.582.282</u>	<u>12.258.372.273</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	46.363.636	-
Thu nhập khác	15.000	4.500
Cộng	<u>46.378.636</u>	<u>4.500</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản thuế phạt chậm nộp	81.901.279	766.657.782
Các khoản bảo hiểm phạt chậm nộp	31.043.525	103.973.342
Phạt vi phạm hợp đồng	60.000.000	-
Chi phí khác	118.005.744	564.010
Cộng	<u>290.950.548</u>	<u>871.195.134</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.681.054.838	2.031.683.078
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(526.761.797)
- Chi thù lao HĐQT và BKS	-	(485.760.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(41.001.797)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.681.054.838	1.504.921.281
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.000.000	4.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>920</u>	<u>376</u>

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và chi thù lao HĐQT theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 6 năm 2020, làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 508 VND xuống 376 VND/CP.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.401.332.860	5.119.628.316
Chi phí nhân công	2.471.104.850	7.626.958.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	191.394.352	1.280.079.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.725.416.789	11.556.109.312
Chi phí thuê phụ	153.869.033.931	157.618.508.672
Chi phí khác	15.500.231.559	15.096.196.469
Cộng	<u>219.158.514.341</u>	<u>198.297.481.098</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm, Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Nam Đại Thành bằng chi phí tương đương với 15.000.000.000 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Nguyễn Hữu Thiện		
<i>Tạm ứng</i>	2.126.186.849	-
<i>Hoàn ứng</i>	219.783.500	-
Ông Phạm Ngọc Hưng		
<i>Hoàn ứng</i>	480.000.000	-

Cam kết bảo lãnh

Ông Đoàn Ngọc Ly dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Láng Hạ với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 9.104.840.000 VND (xem thuyết minh số V.16).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5, V.6 và V.15.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay					
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc					
Ông Đoàn Ngọc Ly	Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	781.304.973	74.000.000	198.000.000	1.053.304.973
Ông Nguyễn Hữu Thiện	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	438.190.341	52.000.000	36.000.000	526.190.341
Ông Phạm Ngọc Hưng	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	417.938.059	42.000.000	36.000.000	459.938.059
Ông Nguyễn Ngọc Tùng	Thành viên HĐQT	385.628.134	47.200.000	38.600.000	468.828.134
Ông Nguyễn Văn Quyên	Thành viên HĐQT	-	-	113.400.000	38.600.000
Ông Đỗ Đức Thắng	Thành viên HĐQT	-	-	118.800.000	113.400.000
Ông Vũ Văn Đoài	Phó Tổng Giám đốc	350.541.060	45.600.000	-	514.941.060
Ban kiểm soát					
Ông Nguyễn Đức Tiềm	Trưởng ban	322.951.714	6.363.636	36.000.000	365.315.350
Ông Nguyễn Gia Hân	Thành viên	-	-	24.000.000	24.000.000
Ông Phạm Mạnh Khôi	Thành viên	-	-	79.200.000	79.200.000
Cộng		<u>2.696.554.281</u>	<u>267.163.636</u>	<u>680.000.000</u>	<u>3.643.717.917</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm trước				
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc				
Ông Đoàn Ngọc Ly	Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	753.401.727	101.200.000	854.601.727
Ông Vũ Văn Đoài	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	246.203.409	20.240.000	266.443.409
Ông Nguyễn Ngọc Tùng	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	305.812.773	60.720.000	366.532.773
Ông Trần Văn Ngu	Thành viên HĐQT	-	60.720.000	60.720.000
Ông Nguyễn Văn Quyến	Thành viên HĐQT	-	60.720.000	60.720.000
Ông Đỗ Đức Thắng	Thành viên HĐQT	-	60.720.000	60.720.000
Ông Nguyễn Hữu Thiện	Phó Tổng Giám đốc	419.812.773	-	419.812.773
Ông Phạm Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	192.700.273	-	192.700.273
Ban kiểm soát				
Ông Vũ Ngọc Long	Trưởng ban	-	40.480.000	40.480.000
Bà Trần Thị Chung	Thành viên	-	40.480.000	40.480.000
Ông Phạm Mạnh Khôi	Thành viên	-	40.480.000	40.480.000
Cộng		1.917.930.955	485.760.000	2.403.690.955

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình.
- Lĩnh vực Khai thác khoáng sản: Khai thác cát san lấp mặt bằng.
- Lĩnh vực khác: Bán vật tư và cho thuê văn phòng

15-C
HÀ N
T
H
V
& C
HÀ N
T

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực khai thác khoáng sản	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	145.614.091.463	103.935.880.626	343.869.528	249.893.841.617
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	145.614.091.463	103.935.880.626	343.869.528	249.893.841.617
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.584.934.312	13.684.998.018	20.193.750	16.290.126.080
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(4.101.582.282)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				12.188.543.798
Doanh thu hoạt động tài chính				576.935.957
Chi phí tài chính				(7.514.607.501)
Thu nhập khác				46.378.636
Chi phí khác				(290.950.548)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.303.645.504)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				3.702.654.838
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.222.242.883	3.727.512.959	12.332.393	8.962.088.235
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.306.708.899	1.646.474.035	5.447.322	3.958.630.257
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	78.392.734.748	107.867.505.983	4.999.921.436	191.260.162.167
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.392.734.748	107.867.505.983	4.999.921.436	191.260.162.167
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.602.835.324	9.513.721.154	398.258.707	17.514.815.185
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(12.258.372.273)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				5.256.442.912
Doanh thu hoạt động tài chính				4.703.680.821
Chi phí tài chính				(6.212.735.468)
Thu nhập khác				4.500
Chi phí khác				(871.195.134)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(844.514.553)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				2.031.683.078
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	863.153.744	1.187.689.675	55.052.307	2.105.895.727
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	524.672.376	721.943.186	33.463.824	1.280.079.386

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực khai thác khoáng sản	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	101.253.326.344	66.866.907.230		168.120.233.574
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				163.005.186.437
Tổng tài sản				331.125.420.011
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	100.217.347.605	31.386.588.651		131.603.936.256
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				149.648.768.260
Tổng nợ phải trả				281.252.704.516
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	68.268.401.695	65.886.407.337	5.499.913.580	139.654.722.612
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				176.755.955.237
Tổng tài sản				316.410.677.849
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	119.246.307.993	70.901.274.344		190.147.582.337
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				77.566.273.058
Tổng nợ phải trả				267.713.855.395

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Phó Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Giáp Tỷ

Đỗ Đức Thắng

Đoàn Ngọc Ly

